

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-PT
Ngày: 26/02/2024
“V/v tranh chấp về dân sự- ranh
giới quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng;

Ông Ngô Tấn Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà
Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2023/TLPT- DS, ngày 30 tháng
11 năm 2023 về “Tranh chấp về dân sự - ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án
nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2024/QĐ-PT ngày
05 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 50/2024/QĐ-PT
ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà B, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Lưu Thị X, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà B, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

(Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2024).

2. Bị đơn:

1. Ông Dương Văn T, sinh năm 1974;

2. Bà Dương Thị K, sinh năm 1968;

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Ông Dương Văn T, sinh năm
1974;

Cùng địa chỉ: Số nhà A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
(Văn bản ủy quyền ngày 29/8/2023).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1940 (mẹ ông L);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: Bà Lưu Thị X, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Số nhà B, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2024).

3.2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955 (chồng bà K);

3.3. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1997 (con bà K);

Người đại diện theo ủy quyền của chị D: Ông Dương Văn T, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Văn bản ủy quyền ngày 29/8/2023).

3.4. Bà Võ Thị Kim T2, sinh năm 1933 (mẹ ông T);

3.5. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1980 (vợ ông T);

3.6. Chị Dương Thị Yến N, sinh năm 2001 (con ông T + bà L2);

3.7. Em Dương Minh B, sinh năm 2009 (con ông T + bà L2);

3.8. Chị Dương Thị Mỹ L3, sinh năm 1999 (cháu ông T);

Người đại diện theo pháp luật của em B: Ông Dương Văn T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1980 (cha mẹ ruột).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, bà L2, chị N, chị L3: Ông Dương Văn T, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Số nhà A ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2023).

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn L là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Bà Lưu Thị X, ông Dương Văn T có mặt, ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn L, có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Ngọc D1 trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc do bà L1 tặng cho ông L vào năm 1999, có chiều ngang giáp tỉnh lộ 844 là 22m, ông L sử dụng từ khi tặng cho đến nay. Đến năm 2020, bà L1 tách thửa và chuyển quyền sang tên cho ông L phần đất nêu trên tại thửa 57, tờ bản đồ số 45, diện tích 951,3 m², đất tọa lạc tại xã A, huyện T, hiện do ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt QSD đất). Quá trình sử dụng đất ông T1, bà K lấn chiếm đất ông L. Nay ông L yêu cầu ông Dương Văn T tháo dỡ một phần cuốn nền đổ bê tông cốt thép, tường gạch cao khoảng 1,2m x dài 20m, trả lại cho ông L tổng diện tích 49,3 m², thuộc một phần thửa 54, một phần thửa 70 cùng tờ bản đồ số 45 (đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn T), cụ thể: tại thửa 70, diện tích 39,5 m² (ngang giáp lộ 2,35m, ngang sau 1,03m x dài 22,73m, cạnh 20,79m); tại thửa 54, diện tích 9,8 m² (ngang một đầu 1,03m x dài 19,16m và cạnh 19,14m). Yêu cầu Hộ bà Dương Thị K, chị Nguyễn Thị Thùy D tháo dỡ mái che trả lại diện tích đất 6,486 m² (ngang 2,35m x dài 2,76m) thuộc một phần thửa 70 để trả lại cho ông L. Ngoài ra ông L không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Văn T, bà Dương Thị K (bà K ủy quyền cho ông Dương Văn T), ông T đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Kim T2, chị Nguyễn Thị L2, chị Dương Thị Yến N, anh Dương Minh B, chị Dương Thị Mỹ L3, chị Nguyễn Thị Thùy D, trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông (Ông Dương Văn D2, bà Võ Thị Kim T2) nhận chuyển nhượng từ năm 1978. Ông D2 được cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 1992. Đến năm 2009, cha ông chết, ông nhận thừa kế toàn bộ 04 (bốn) thửa đất do ông D2, và được cấp giấy chứng nhận QSD đất, trong đó có thửa 1581 diện tích 1.000m² đất trồng cây hàng năm khác, thửa 1585 diện tích 350m² đất ở tại nông thôn. Năm 2019, ông Dương Văn T xin cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy bao gồm các thửa 54 diện tích 1.398,7 m², thửa 70 diện tích 113,4 m² cùng tờ bản đồ số 45, phần đất này giáp ranh với đất ông L. Quá trình sử dụng đất, ông sử dụng đúng diện tích được cấp, không có lấn đất của ông L. Do đó, ông Dương Văn T3, bà Dương Thị K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L. Trên phần đất tranh chấp có tài sản gắn liền với đất là bờ tường và mái che, phần lán xi măng và các tài sản khác do gia đình bà K xây dựng. Trường hợp Tòa án xác định ông Dương Văn T, bà K có lấn ranh đất của ông L thì ông bà tự di dời tài sản có trên đất để trả lại đất cho ông L. Ngoài ra ông Dương Văn T, bà K không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Ngọc D1 (cấp sơ thẩm) trình bày:

Bà L1 là mẹ ông L. Bà L1 thống nhất trình bày của ông L, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 (chồng bà K): Không có văn bản ý kiến nộp gửi cho Tòa án, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 20/9/2023, Tòa án nhân dân huyện T, tuyên xử:

“1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L đối với ông Dương Văn T, bà Dương Thị K.

2/- Ranh đất, quyền sử dụng đất, không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng giữa ông Phạm Văn L đối với ông Dương Văn T được xác định như sau:

Hướng Bắc: giáp đất bà H lấy mốc số M3.

Hướng Nam: giáp tỉnh lộ 844 lấy mốc số M17.

Đường thẳng nối mốc số M3 đến mốc số M17 có chiều dài là 43,15 m là ranh chung giữa hai bên.

(Có sơ đồ đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp giữa ông L với ông T về việc đo vẽ sơ đồ ngày 09/03/2023 và biên bản xem xét thẩm định cùng ngày kèm theo). ”

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2023, nguyên đơn ông Phạm Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (sửa án sơ thẩm).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lưu Thị X, đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn L, bà Nguyễn Thị L1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử xác định ranh đất giữa ông L và ông Dương Văn T theo Sơ đồ cũ, là ranh thẳng, không xéo qua đất ông L như Sơ đồ đo đạc mà Tòa án xét xử. Nguồn gốc đất là do bà L1, ông D2 mua cùng một chủ, chia đôi, mỗi người một công. Ranh đất giữa bà L1 và ông D2 trước đây xác định là 03 (ba) trụ đá, nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ xử có 02 (hai) trụ đá, còn 01 (một) trụ đá không xác định ở đâu. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ranh đất giữa hai bên là mốc M3 và M16, không phải là M3 và M17.

Ông Dương Văn T trình bày: Hiện tại đất ông T, ông L đều có giấy tờ. Nhà nước cấp đến đâu, ông sử dụng đến đó, không có lấn ranh. Khi tiến hành đo đạc để cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, phía ông L (bà L1) thống nhất ranh, cán bộ tiến hành đo đạc, sau đó có Sơ đồ, các bên xác định đúng, tứ cận có ký tên, phía ông L cũng có ký tên giáp ranh. Ông không đồng ý kháng cáo của ông L, bà L1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến (Có Bài phát biểu kèm theo):

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông L kháng cáo yêu cầu phía ông Dương Văn T tháo dỡ, di dời tài sản trả lại cho ông L diện tích 49,3 m² thuộc một phần thửa 54, thửa 70 cùng tờ bản đồ số 45 (đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn T); yêu cầu Hộ bà Dương Thị K tháo dỡ mái che trả lại diện tích 6,486 m² thuộc một phần thửa 70 để trả lại cho ông L.

Xét thấy, nguồn gốc đất của ông L do mẹ là bà Nguyễn Thị L1 cho từ 1999, đến năm 2020 bà L1 xin tách thửa và tặng cho ông L thửa 57. Khi tiến hành đo đạc, tách thửa, phía ông L, bà L1 có ký tên. Qua đo đạc thực tế, thửa 57 của ông L có diện tích 952,5m² (chưa tính phần tranh chấp 49,3m²), so với diện tích ông L được cấp theo giấy chứng nhận QSD đất là 951,3 m², thì thực tế diện tích đất ông L dư hơn. Mặt khác, từ trước đến nay, phía ông L không có sử dụng phần đất tranh chấp. Gia đình ông T, bà K có xây dựng bức tường, mái che,...trên đất và đang sử dụng đất. Việc ông L, bà L1 kháng cáo nhưng không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, bà L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 (chồng bà K) được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Nguyễn Văn T1 không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Phạm Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, yêu cầu xác định ranh đất giữa ông L với ông Dương Văn T là mốc M3 và M16, di dời tài sản (bức tường, mái che, phần lán xi măng...) trả lại diện tích đất lấn chiếm cho ông L. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất ông L đang tranh chấp với ông Dương Văn T, bà Dương Thị K, theo nguyên đơn trình bày là của bà Nguyễn Thị L1 nhận chuyển nhượng (mua) của bà B1 từ khoảng năm 1980, diện tích khoảng một công (1.000m²). Cùng thời điểm trên, cha của ông T là ông Dương Văn D2 cũng nhận chuyển nhượng của bà B1 khoảng một công (1.000m²). Bà L1 và ông D2 thỏa thuận ranh đất giữa hai bên là 03 (ba) trụ đá: 01 trụ giáp sông Đ, 01 trụ giữa đất và 01 trụ giáp Tỉnh lộ 844. Năm 1992, bà L1 có chuyển nhượng cho ông Lê Văn Đ một phần đất (không rõ diện tích) trong phần đất đã mua của bà B1. Năm 1999, bà L1 cho ông L phần đất có chiều ngang giáp Tỉnh lộ 844 là 22m, dài 44m, giáp ranh với ông D2 (hiện ông T, bà K quản lý, sử dụng). Ông L sử dụng từ đó cho đến nay: một phần cất nhà, một phần là đất trồng. Căn cứ tài liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cung cấp kèm theo Công văn

2312/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 07/6/2023 (bút lục 153) thể hiện: Ngày 20/11/1994, bà Nguyễn Thị L1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 5.718m² gồm 03 thửa, trong đó có thửa 1689 diện tích 2.668m², đất T, giáp ranh với ông D2. Năm 2020, H1 bà L1 xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách thửa 1689 thành 03 thửa: 55, diện tích 325,5m²; thửa 56, diện tích 2.210m²; thửa 57, diện tích 951,3m² (cùng tờ bản đồ 45, gồm đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tổng diện tích 03 thửa khi cấp đổi là 3.486,8m² (thửa hơn so với thửa cũ 1689 là 818,8m²). Ngày 09/11/2020, Hộ bà Nguyễn Thị L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 57, tờ bản đồ 45, diện tích 951,3m² (trong đó: đất ở tại nông thôn 500m², đất trồng cây lâu năm diện tích 451,3m²). Ngày 14/4/2021, H1 bà L1 (gồm bà L1, các anh chị em của ông L) ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất toàn bộ thửa 57 cho ông L. Ngày 24/5/2021, ông L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 57.

[2.2] Nguồn gốc đất của ông Dương Văn T là do thừa kế từ cha ruột là ông Dương Văn D2. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp thể hiện: Ông Dương Văn D2 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 11/11/1992, tổng diện tích 9.136m², gồm bốn thửa, trong đó có thửa 1581, diện tích 1.000m² đất màu (ĐM), thửa 1585, diện tích 350m² T (thỏ). Ngày 20/4/2009, ông D2 chết. Ngày 01/10/2009, bà Võ Thị Kim T2 (vợ ông D2) cùng các con thống nhất từ chối nhận di sản thừa kế, giao lại 04 thửa đất cho ông Dương Văn T đứng tên. Ngày 03/11/2009, ông Dương Văn T được cấp giấy chứng nhận QSD đất, trong đó có thửa 1581 diện tích 1.000m² đất trồng cây hàng năm khác, thửa 1585 diện tích 350m² đất ở tại nông thôn. Năm 2019, ông Dương Văn T xin cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy: 02 thửa 1581 và 1585 hợp lại, tách thành 05 thửa: 36, 54 70,71,72, cùng tờ bản đồ 45. Ngày 09/11/2020, ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất, trong đó thửa 70 diện tích 113,4m² (đất ở 60m², đất trồng cây lâu năm 53,4m²); thửa 54 diện tích 1.398,7m² (đất ở 170m², đất trồng cây lâu năm 1.228,7m²).

[2.3] Khi bà L1, ông Dương Văn T tiến hành cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tiến hành đo đạc, xác định ranh đất. Căn cứ Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 57 ngày 13/12/2019 (mặt sau bút lục 151) thể hiện: chiều ngang thửa đất 57 (giáp ĐT.844 nhựa) là 19,62m² (cạnh 5-6). Phiếu đo đạc có chữ ký bà L1, anh Phạm Văn H2 (con bà L1). Tại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (bút lục 150) có chữ ký xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của ông Dương Văn T. Tại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất 54, 70 của ông T (bút lục 133, 124), ông Phạm Văn L có ký tên (vì thời điểm này, ông L trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất giáp ranh với ông T). Căn cứ Công văn 2312/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 07/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cung cấp thông tin: “Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Phạm Văn L do biến động tặng cho trọn thửa, chủ sử dụng đất không yêu cầu đo đạc thực tế.”

[2.4] Qua đo đạc thực tế, thửa 70 có diện tích $73,2\text{m}^2$, nếu tính luôn vùng tranh chấp $39,5\text{m}^2$ thì cũng chỉ có diện tích $112,7\text{m}^2$, thiếu so với diện tích được cấp $0,7\text{m}^2$. Thửa 54 qua đo đạc có diện tích $1.388,3\text{m}^2$, nếu tính luôn vùng tranh chấp $9,8\text{m}^2$ thì diện tích là $1.398,7\text{m}^2$, vẫn thiếu $0,6\text{m}^2$. Tuy nhiên, sai số này không đáng kể. Trước đó và hiện nay, gia đình ông Dương Văn T, gia đình bà Dương Thị K quản lý, sử dụng phần đất này, gia đình ông L không quản lý, sử dụng. Ngoài ra, xét thấy thửa 1689 của bà L1 có diện tích chỉ có 2.668m^2 , sau khi cấp đổi thành 03 thửa: 55, diện tích $325,5\text{m}^2$; thửa 56, diện tích 2.210m^2 ; thửa 57, diện tích $951,3\text{m}^2$ (cùng tờ bản đồ 45), gồm đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, tổng diện tích 03 thửa khi cấp đổi là $3.486,8\text{m}^2$ thì có thừa hơn so với thửa cũ 1689 là $818,8\text{m}^2$.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị X đại diện ủy quyền của ông L, bà L1 cho rằng diện tích đất của gia đình ông L sử dụng từ khi được bà L1 tặng cho vào năm 1999 có chiều ngang giáp Tỉnh lộ 844 là 22m, nay chiều ngang chỉ còn 19,6m, mất 2,35m nhưng không có chứng cứ chứng minh phần đất của ông L sử dụng từ khi bà L1 tặng cho có chiều ngang giáp Tỉnh lộ 844 là 22m như chị X trình bày. Ngoài ra, chị X cho rằng, trụ đá giáp Tỉnh lộ 844, bị ông Dương Văn T dời qua đất ông L để lấn ranh nhưng không có chứng cứ chứng minh. Theo Sơ đồ đo đạc ngày 09/3/2023, trụ đá giáp lộ là mốc M18. Chị X còn cho rằng: Căn cứ tài liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cung cấp, trước đây ranh đất giữa hai bên là ranh thẳng, không bị xéo như hiện nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi bà L1 và ông D2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu không có đo đạc cụ thể. Khi ông T thừa kế quyền sử dụng đất từ ông D2 cũng thừa kế trọn thửa, không tiến hành đo đạc. Sơ đồ thửa đất thể hiện trên giấy chứng nhận QSD đất (thửa 1581, 1585 trước khi hợp thửa và tách thành 05 thửa trong đó có thửa 70 và 54 là Sơ đồ phát họa các thửa đất liền kề, không đo đạc, không có kích thước cụ thể. Qua quá trình sử dụng đất thực tế, theo quy định của pháp luật, đương sự yêu cầu cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính, chính quy, trước khi cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất cơ quan có thẩm quyền có tiến hành đo đạc, việc đo đạc có sự xác định mốc, ranh giới thửa đất. Xét thấy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên được tiến hành đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định. Sau khi ông L nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có khiếu nại về trình tự, thủ tục cấp giấy, không khiếu nại về diện tích, chiều ngang thửa đất 54. Diện tích, hình thể thửa đất của các bên đang sử dụng đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Thực tế, từ trước đến nay, phía ông L không sử dụng phần đất tranh chấp. Hiện tại, vùng ranh tranh chấp có mái che do bà K sử dụng và bờ tường do ông L xây vào năm 2021.

[2.6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L đối với ông Dương Văn T, bà Dương Thị K về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên là đường thẳng nối các mốc M3-M20-M16 là có căn cứ. Nguyên đơn ông L và người liên quan bà L1 kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc

thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà L1 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cần điều chỉnh cách tuyên án cho đầy đủ, rõ ràng, khoa học hơn để dễ thi hành án.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bà L1 được miễn nộp án phí do là người cao tuổi.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 148, Khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ Khoản 2, Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 273, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L.

2. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 57, tờ bản đồ 45 do ông Phạm Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 24/5/2021, số vào sổ CS03553) với thửa 54, tờ bản đồ 45 do ông Dương Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 09/11/2020, số vào sổ CS02292) và thửa 70 tờ bản đồ 45 do ông Dương Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 09/11/2020, số vào sổ CS01189) là đoạn thẳng nối các mốc M3-M19-M18-M17. (Cụ thể: Ranh giới QSD đất giữa

thửa 57 với thửa 54 là đoạn thẳng nối các mốc M3-M19, ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 57 với thửa 70 là đoạn thẳng nối các mốc M19-M18-M17.)

(Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, Sơ đồ đo đạc cùng ngày của Công ty TNHH D3).

Các bên được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất. Tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Phạm Văn L phải chịu 5.546.000 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng ông L đã nộp theo biên lai số 0012862 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được trừ vào án phí phải nộp. Ông L còn nộp tiếp 5.246.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng ông L nộp ngày 28/9/2023 theo biên lai số 000136 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T được khấu trừ vào án phí phúc thẩm phải nộp. (Ông L đã nộp án phí dân sự phúc thẩm xong).

Miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm đối với bà Nguyễn Thị L1 do là người cao tuổi.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn L phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản tổng số tiền là 9.400.000 đồng (Tiền thanh lý Hợp đồng đo đạc 7.200.000 đồng, thẩm định, định giá 2.200.000 đồng). Ông L đã nộp và chi xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Tòa án ND huyện T;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T;
- Phòng KTNV-TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án và VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Kiều Kim Xuân